

Tổng hợp kiến thức về cấu trúc "Too...to" và "Enough...to"

Trong tiếng Anh, "Too...to" và "Enough...to" là hai cấu trúc phổ biến được dùng để diễn tả mức độ của một tính chất, hành động nào đó không đủ hoặc đủ để thực hiện một việc khác. Nắm vững hai cấu trúc này sẽ giúp bạn diễn đạt ý tưởng một cách chính xác và tự nhiên hơn.

I. Cấu trúc "Too...to" (Quá...để mà)

1. Định nghĩa và cách dùng

Cấu trúc "Too...to" được sử dụng để diễn tả một sự việc có mức độ quá mức cần thiết, dẫn đến một kết quả tiêu cực, không thể thực hiện được. Cấu trúc này bản thân nó đã mang ý nghĩa phủ định.

Ví dụ: *The coffee is **too** hot **to** drink.* (Cà phê quá nóng để uống.) -> Ý nghĩa: Cà phê nóng đến mức tôi không thể uống được.

2. Các công thức với "Too...to"

a. Với tính từ (adjective)

S + be + too + adj + (for somebody) + to V-inf

Cấu trúc này mô tả chủ ngữ có một đặc điểm/tính chất nào đó ở mức độ quá cao, khiến cho ai đó không thể thực hiện một hành động.

- **Ví dụ 1:** The box is **too heavy to lift**. (Cái hộp quá nặng để nâng lên.)
- **Ví dụ 2:** This lesson is **too difficult for me to understand**. (Bài học này quá khó để tôi có thể hiểu.)
- **Ví dụ 3:** He was **too short to reach** the top shelf. (Anh ấy đã quá lùn để với tới cái kệ trên cùng.)

b. Với trạng từ (adverb)

S + V + too + adv + (for somebody) + to V-inf

Cấu trúc này mô tả một hành động được thực hiện với mức độ quá cao, khiến cho một hành động khác không thể xảy ra.

- **Ví dụ 1:** She speaks **too quickly for us to follow**. (Cô ấy nói quá nhanh để chúng tôi có thể theo kịp.)
- **Ví dụ 2:** He drove **too carelessly to pass** the driving test. (Anh ta đã lái xe quá ẩu để có thể vượt qua bài thi lái xe.)
- **Ví dụ 3:** The children were playing **too loudly to hear** the phone ring. (Bọn trẻ đang chơi quá ồn ào để có thể nghe thấy điện thoại reo.)

c. Với danh từ (noun)

S + V + too + many/much/few/little + Noun + (for sb) + to V-inf

Cấu trúc này dùng để chỉ số lượng (quá nhiều hoặc quá ít) của một thứ gì đó, dẫn đến một kết quả tiêu cực.

- **too many + N đếm được số nhiều:** quá nhiều
- **too much + N không đếm được:** quá nhiều

- **too few + N đếm được số nhiều:** quá ít
- **too little + N không đếm được:** quá ít

Ví dụ:

- There are **too many people** in this room **to breathe** comfortably. (Có quá nhiều người trong phòng này để có thể thở một cách thoải mái.)
- She has **too much work to do**, so she can't go out. (Cô ấy có quá nhiều việc phải làm, vì vậy cô ấy không thể đi chơi.)
- There were **too few chairs for everyone to sit**. (Có quá ít ghế để mọi người có thể ngồi.)
- He had **too little time to finish** his report. (Anh ấy có quá ít thời gian để hoàn thành bản báo cáo.)

3. Lưu ý quan trọng khi dùng "Too...to"

- **Ý nghĩa phủ định:** Luôn nhớ rằng câu dùng "too...to" mang nghĩa phủ định dù không có "not".
- **Cụm từ "for somebody":** Dùng khi chủ ngữ thực hiện hành động trong mệnh đề "to V-inf" khác với chủ ngữ chính của câu.
- **Trùng tân ngữ:** Nếu tân ngữ của động từ trong mệnh đề "to V-inf" trùng với chủ ngữ của câu, ta phải lược bỏ tân ngữ đó đi.
 - Đúng: *The coffee is too hot to drink.*
 - Sai: *The coffee is too hot to drink it.*

II. Cấu trúc "Enough...to" (Đủ...để mà)

1. Định nghĩa và cách dùng

Cấu trúc "Enough...to" được sử dụng để diễn tả một sự việc có đủ điều kiện, phẩm chất hoặc số lượng cần thiết để thực hiện một hành động khác. Cấu trúc này mang ý nghĩa khẳng định.

Ví dụ: *He is **strong enough to lift that box.*** (Anh ấy đủ khỏe để nâng cái hộp đó.) -> Ý nghĩa: Anh ấy có đủ sức khỏe và có thể nâng được cái hộp.

2. Các công thức với "Enough...to"

a. Với tính từ (adjective)

S + be + adj + enough + (for somebody) + to V-inf

Lưu ý: "enough" đứng sau tính từ.

- **Ví dụ 1:** The water is **warm enough to swim.** (Nước đủ ấm để bơi.)
- **Ví dụ 2:** She is **old enough to drive** a car. (Cô ấy đủ tuổi để lái xe ô tô.)
- **Ví dụ 3:** The instructions were **clear enough for us to understand.**
(Những lời hướng dẫn đủ rõ ràng để chúng tôi hiểu.)

b. Với trạng từ (adverb)

S + V + adv + enough + (for somebody) + to V-inf

Lưu ý: "enough" đứng sau trạng từ.

- **Ví dụ 1:** He didn't run **fast enough to catch** the bus. (Anh ấy đã không chạy đủ nhanh để bắt kịp xe buýt.)

- **Ví dụ 2:** You should speak **loudly enough for everyone to hear**. (Bạn nên nói đủ to để mọi người có thể nghe.)
- **Ví dụ 3:** She studied **hard enough to pass** the exam easily. (Cô ấy đã học đủ chăm chỉ để vượt qua kỳ thi một cách dễ dàng.)

c. Với danh từ (noun)

S + V + enough + Noun + (for somebody) + to V-inf

Lưu ý: "enough" đứng trước danh từ.

- **Ví dụ 1:** I don't have **enough money to buy** this car. (Tôi không có đủ tiền để mua chiếc xe này.)
- **Ví dụ 2:** Do we have **enough chairs for all the guests to sit**? (Chúng ta có đủ ghế cho tất cả khách mời ngồi không?)
- **Ví dụ 3:** He has **enough experience to get** the job. (Anh ấy có đủ kinh nghiệm để nhận được công việc đó.)

III. So sánh "Too...to" và "Enough...to"

Tiêu chí	Cấu trúc "Too...to"	Cấu trúc "Enough...to"
Ý nghĩa	Phủ định (quá mức, không thể làm gì)	Khẳng định (đạt mức cần thiết, có thể làm gì)
Vị trí của Adj/Adv	too + adj/adv	adj/adv + enough
Vị trí của Noun	too many/much + noun	enough + noun
Ví dụ	He is too young to vote. (Anh ấy quá trẻ để đi bầu cử.)	He is old enough to vote. (Anh ấy đủ tuổi để đi bầu cử.)

IV. Cách kết hợp câu dùng "Too...to" và "Enough...to"

Đây là một dạng bài tập phổ biến. Chúng ta thường kết hợp hai câu đơn thành một câu phức sử dụng các cấu trúc này, đặc biệt là khi chuyển đổi từ cấu trúc "so...that".

1. Kết hợp câu dùng "Too...to"

Thường dùng để nối hai câu khi câu thứ hai diễn tả một kết quả tiêu cực, không thể thực hiện được (thường chứa *can't*, *couldn't*, *not*).

Công thức chuyển đổi: S + be/V + so + adj/adv + that + S + can't/couldn't + V => S + be/V + too + adj/adv + (for O) + to V

1. **Bước 1:** Xác định tính từ/trạng từ trong câu đầu tiên.
2. **Bước 2:** Bỏ "so" và thay bằng "too" trước tính từ/trạng từ đó.
3. **Bước 3:** Bỏ "that" và chủ ngữ của mệnh đề thứ hai. Chuyển động từ về dạng nguyên mẫu có "to".
4. **Bước 4:** Nếu chủ ngữ hai vế khác nhau, chuyển chủ ngữ của vế thứ hai thành tân ngữ và đặt sau "for".

Ví dụ 1: The weather was very bad. We couldn't go for a picnic.

-> The weather was **too bad for us to go** for a picnic.

Ví dụ 2: He is so short that he can't play basketball.

-> He is **too short to play** basketball.

Ví dụ 3: The question is so difficult that I can't answer it.

-> The question is **too difficult for me to answer**. (Lược bỏ "it" vì trùng với chủ ngữ "The question")

2. Kết hợp câu dùng "Enough...to"

Thường dùng để nối hai câu khi câu thứ hai diễn tả một kết quả tích cực, có thể thực hiện được (thường chứa *can, could*).

Công thức chuyển đổi: **S + be/V + so + adj/adv + that + S + can/could + V => S + be/V + adj/adv + enough + (for O) + to V**

1. **Bước 1:** Xác định tính từ/trạng từ trong câu đầu tiên.
2. **Bước 2:** Đặt "enough" sau tính từ/trạng từ đó. Bỏ "so".

3. **Bước 3:** Bỏ "that" và chủ ngữ của mệnh đề thứ hai. Chuyển động từ về dạng nguyên mẫu có "to".
4. **Bước 4:** Nếu chủ ngữ hai vế khác nhau, chuyển chủ ngữ của vế thứ hai thành tân ngữ và đặt sau "for".

Ví dụ 1: Mary is very intelligent. She can solve this problem.

-> Mary is **intelligent enough to solve** this problem.

Ví dụ 2: The room is large. It can hold 50 people.

-> The room is **large enough to hold** 50 people.

Ví dụ 3: He spoke so clearly that we could understand him.

-> He spoke **clearly enough for us to understand**. (Lược bỏ "him")

V. Bài tập vận dụng

Viết lại các câu sau sử dụng cấu trúc "too...to" hoặc "enough...to".

1. The soup is very hot. I can't eat it now.
2. He is very strong. He can carry that heavy suitcase.
3. This car is so expensive that we can't buy it.
4. She is tall. She can reach the book on the high shelf.
5. The music was so loud that I couldn't sleep.
6. I don't have much money. I can't afford a new laptop.
7. The test was very easy. All students could do it.
8. He ran very slowly. He couldn't win the race.

Đáp án

1. The soup is too hot (for me) to eat now.
2. He is strong enough to carry that heavy suitcase.
3. This car is too expensive for us to buy.
4. She is tall enough to reach the book on the high shelf.
5. The music was too loud for me to sleep.
6. I don't have enough money to afford a new laptop.
7. The test was easy enough for all students to do.
8. He ran too slowly to win the race.